TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11/12/2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Trang và bà Nguyễn Thị Tường Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST – HNGĐ ngày 27/11/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh ngày 22/3/1990

Số CCCD: 038190xxxxxx

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Bùi Văn N; sinh ngày 19/11/1989

Số CCCD: 038089xxxxxx

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, tỉnh T.

Tại phiên toà vắng mặt chị L và anh N (chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Bùi Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại UBND xã T, huyện T, tỉnh T (nay là UBND xã K, tỉnh T) vào ngày 30/10/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N có quan hệ ngoại tình, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2024 cho đến nay không

ai quan tâm đến ai. Nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Bùi Văn N.

Về con chung: Chị L và anh N có 01 con chung là Bùi Tú Q (giới tính: Nữ), sinh ngày: 05/09/2020. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Tú Q. Chị L không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Phạm Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Văn N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của anh Bùi Văn N.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/10/2025, chính quyền địa phương xã K, tỉnh T nơi chị L, anh N có đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Chị Phạm Thị L và anh Bùi Văn N có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (nay là xã K), tỉnh T vào ngày 30/10/2015. Sau khi kết hôn chị L về nhà anh N sinh sống cùng với anh N và bố, mẹ chồng. Vợ chồng sống hoà thuận đến khoảng tháng 4/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, chị L đã mang theo con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã K, tỉnh T ở và từ đó vợ chồng sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không quan tâm đến gia đình vợ con, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Về con chung: Chị L và anh N có 01 con chung là Bùi Tú Q (giới tính: Nữ), sinh ngày 05/09/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay cháu Q ở cùng với chị L tại thôn P, xã K. Hiện nay, cháu Q đang học tại trường mầm non K. Anh N có qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con hay không chính quyền địa phương không nắm được. Về điều kiện kinh tế: Chị L bán hàng online, thu nhập cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Anh N hiện nay đi làm ăn xa, thi thoảng mới về địa phương, do đó chính quyền địa phương không nắm được hiện nay anh N làm gì, thu nhập bao nhiêu. Anh N, chị L không có nhà đất tại xã K. Quá trình sinh sống tại thôn Đ, vợ chồng anh N, chị L và con ở cùng với bố, mẹ đẻ của anh N tại nhà của bố mẹ anh N là ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị N. Về đạo đức, lối sống: Quá trình sinh sống tại địa phương xã K chị L có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật. Anh Bùi Văn N vi phạm pháp luật đã bị Toà án xét xử hiện nay đã chấp hành án xong.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị L vắng mặt, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02

không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị L, xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Bùi Văn N.

Giao con chung là Bùi Tú Q – sinh ngày 05/9/2020 (giới tính: Nữ) cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L vì chị L không yêu cầu.

-Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị L có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Bùi Văn N có hộ khẩu thường trú tại xã K, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

Anh Bùi Văn N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ anh N cố tình trốn tránh. Chị Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N không có mặt theo quyết định của Toà án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L, anh N là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Bùi Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh T (nay là UBND xã K, tỉnh T) vào ngày 30/10/2015. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Bùi Văn N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ tháng 4/ 2024 khi chị L mang theo con về nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị L xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn anh N. Quá trình giải quyết vụ án anh N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh N không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Bùi Văn N đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Bùi Văn N là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Bùi Văn N có 01 con chung tên là Bùi Tú Q - sinh ngày 05/9/2020 (giới tính: Nữ). Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Q ở cùng với chị L. Khi ly hôn chị L có yêu cầu là giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án không thu thập được nguyện vọng của anh N. Tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển cho con, thấy rằng: Chị L có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Q ở cùng với chị L, được chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu đang ổn định. Cháu phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần, bên cạnh đó cháu Q còn rất bé (05 tuổi), rất cần sự gần gũi, quan tâm, chăm sóc từ mẹ. Nguyện vọng của chị L là hoàn toàn chính đáng. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của con về mọi mặt và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con. Do đó, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Tú Q đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L vì chị L không yêu cầu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Bùi Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở và anh N có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản và công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Bùi Văn N.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Bùi Tú Q, sinh ngày: 05/9/2020 (giới tính: Nữ) cho chị

Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.2. Anh Bùi Văn N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

2.3. Anh Bùi Văn N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở anh thực hiện quyền này và anh N có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0001277 ngày 09/10/2025. Chị Phạm Thị L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Anh Bùi Văn N không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Phạm Thị L và anh Bùi Văn N. Chị L và anh N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã K;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Lê Thị Hương Giang